

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2022/HS-PT

Ngày 12 tháng 12 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các thẩm phán:

Bà Đinh Thị Kiều Lương

Bà Võ Thị Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 322/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo Trần Võ T do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 127/2022/HSST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Võ T, sinh năm: 1985; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Số 156/49, khu phố 4A, phường B, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Ngọc A (đã chết) và bà Võ Thị H, sinh năm 1940; Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; vợ tên Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1985 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2022 và chuyển tạm giam đến ngày 10/5/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú tại số 156/49, khu phố 4A, phường B, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

- Bị hại: Anh Trần Đình N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp Thái Hòa, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Bị cáo có mặt, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Võ T và Trần Đình N là công nhân làm việc tại công trình xây dựng “K” – khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn thuộc ấp Bung Môn, xã Long An, huyện L. Lúc 18 giờ 30 phút ngày 24/3/2022, trong lúc làm việc thì Trần Võ T và Trần Đình N đã xảy ra mâu thuẫn trong việc san lấp mặt bằng đường đi trong khuôn viên công trình xây dựng “K” dẫn đến cự cãi nhau. Lúc này, T bức tức do N mắng chửi, xúc phạm mình nên T nảy sinh ý định dùng dao gây thương tích cho N để trả thù. T đi bộ đến nhà tập thể của công trình, lấy 01 con dao Thái lan, cán gỗ màu nâu, dài 20cm (không rõ của ai) rồi đi bộ đến vị trí của N đang làm việc thì cả hai tiếp tục cãi nhau, T dùng tay xô N ngã xuống đất. Khi N đang đứng dậy thì T dùng tay phải cầm dao Thái Lan mang theo đâm 01 nhát trúng vào vùng sườn bên trái của N gây thương tích cho N sau đó T giấu dao gây án tại nhà tập thể công trình rồi đón xe khách về nhà tại phường B, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh, còn N được mọi người trong công trình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 25/3/2022, T đến công an huyện L đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0342/TgT/2022 ngày 01/4/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Nai kết luận: 1. Dấu hiệu chính qua giám định: - Vết thương ngực sau (lưng trái) kích thước 05x02cm. Tỷ lệ: 01%; Vết mổ dẫn lưu ngực bên trái kích thước 01x01cm. Tỷ lệ: 02%; Tổn thương mảng xơ xẹp ở phân thùy VI, thùy lưỡi và phân thùy X phổi trái. Tỷ lệ 28%. 2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Trần Đình N áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là 30 % (Ba mươi phần trăm). Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

Vật chứng vụ án: 01 con dao Thái Lan, cán gỗ màu nâu, dài 20cm.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng, bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản án số: 127/2022/HSST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Võ T 02 (hai) năm tù.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Vào các ngày 15 và 22 tháng 8 năm 2022 bị cáo Trần Võ T, bị hại Trần Đình N làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Võ T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” và áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo, bị hại kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo, cung cấp các tình tiết mới như bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi vợ và 03 con nhỏ đang tuổi ăn, tuổi học, tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại, được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, chuyển sang hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách buộc bị cáo chấp hành cũng đủ tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Võ T, bị hại Trần Đình N làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại Trần Đình N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu thể hiện: Lúc 18 giờ 30 phút ngày 24/3/2022 tại công trình xây dựng “K” thuộc khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn thuộc ấp Bung Môn, xã Long An do mâu thuẫn, bực tức trong quá trình làm việc, Trần Võ T có hành vi dùng 01 con dao Thái Lan, cán gỗ màu nâu, dài 20cm đâm 01 nhát trúng vào vùng sườn bên trái của Anh Trần Đình N, với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 30%. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Bị cáo, bị hại kháng cáo xin cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào việc bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo

thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Bị hại cũng có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, Hội đồng xét xử phạt bị cáo có mức án 02 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo, bị hại kháng cáo xin cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Bị hại cho rằng do bị cáo đã ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi vợ và 03 con đang còn nhỏ, có mẹ già yếu bị bệnh; bị cáo đã bồi thường cho bị hại toàn bộ thiệt hại; bị hại cũng có một phần lỗi cự cãi với bị cáo dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo cung cấp cho hội đồng xét xử 01 đơn có xác nhận của địa phương thể hiện: Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, một mình bị cáo phải nuôi 03 con đang còn nhỏ đang tuổi đến trường, cùng với người vợ không có nghề nghiệp và mẹ già yếu nay đã 81 tuổi. Đây là các tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, chưa tiền án tiền sự; sau khi bị cáo phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại, được người bị hại làm đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo và bị cáo cung cấp được nhiều tình tiết giảm nhẹ mới như: Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, một mình bị cáo phải nuôi 03 con còn nhỏ đang tuổi đến trường, cùng với người vợ không có nghề nghiệp và mẹ già yếu đã 81 tuổi. Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số: 02/VBHN-TANDTC ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đồng thời xem xét chuyển sang hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách buộc bị cáo chấp hành cũng phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo, bị hại được chấp nhận, nên bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại, sửa bản án sơ thẩm số 127/2022/HSST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51;

Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

2. Xử phạt bị cáo: Trần Võ T 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Võ T cho Ủy ban nhân dân phường B, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Bị cáo bị xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện L (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Công an huyện L;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Bị cáo, bị hại; UBND phường B.
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên